Phần Mở Đầu (2)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật ỉ r - - 9

rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp luarf",nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Dĩ Thảnh giáo vi minh cảnh chiêu kiên tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiêu kỉnh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tâm gương sáng soi vào tự tâm, lây tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chô thâm sâu của kinh điên. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân toe.59 Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cửu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch,\ không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường ton ở the gian mà còn góp phần làm cho

viii HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xua, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự?9 Nguyện cầu Phật nhật tăng

huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bô-tát, tác đại chứng minh.

VesakLiên Họp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản tri Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đòng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Nam'\ vôn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phàm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam'\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đong thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pltaka. H.)tức kho tàng Chân ly, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pītakaṃ H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pỉtaka. H.,Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathã), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Việt Nam). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=S Vỉnaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhỉdharma, H.,V6 tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pãli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bôi và lưu truyên đên ngày nay. Hai tác phàm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử (Mahãvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại r \ y Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pãli bát đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời

Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa băng tiêng Sanskrit lân lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tôn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khác trên đá, khác trên gô, và vê sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điên Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gôm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn lo thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa băng Hán cô và cho đên những thê kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (l867-1945)? người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bắt-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Nỉết-bàn, Đại Tập); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thh Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm. Tăng nhất A-hàrrỉ). Hòa thượng Thh Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hàm), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pãli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tinh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tai bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tong hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Lỉnh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh, Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam,

tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. Vê bản săc quôc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hàïủỉKinh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm ke tiep, Hòa thượng cho ấn hành các tạp Kỉnh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, ỉil). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bỏ: Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milỉnda vân đạo.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quôc đêu có ân bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinti (),có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Qu6c, gôm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()d*u tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tăn tu Đại tạng kinh (1924-1934) do các
học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thông vê phân loại và châm câu tót nhát. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hâu hét các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam chỉ mới hoàn tát gân một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch

thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, CÓ thê tiêp cận lời Phật dạy băng tiêng Việt, nhăm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā, Tu tuệ). Đê tạo nên bản săc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển

LỜI GIỚI THIỆU xiii

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau; đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tạiA dây, góp phân làm cho Tô quôc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triên bên vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên the giới, hệ thốnệ tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức t Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con ngưòd Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên the giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nham nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành tri, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đau nguồn là đang Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điên được biên chép và bô sung phân Chú giải, ơ An Độ, lân kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnẹ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viêt và khẩu truyên. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào nam 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pãli được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ân hành nguyên bản Pâli và phiên dịch sang tiêng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyên thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đên nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần

khắc Đại tạng, trong đỏ Bát vạn Đại tạng kỉnh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vao thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá tre, có 9 bản Đại tạng. Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh (Taishô Shỉnshũ Daizõkyõ.)do Takakusu JunjirQ Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lân khác bản, được in ân khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gôm nhiêu quôc gia, dân tộc. ơ Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch SÍT, thế hệ chư cô đức đã hét lòng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại han, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kỉnh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyên và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phàm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Băc truyên, hoặc có một phân của nhau, nhưng không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bô cục lại. Đôi với Tam tạng Nam truyên (Thượng Tọa bộ), câu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text

Society (Chánh kinh, Chú giải,

xviii HỢP PHẦN & TẬP YẾU _____

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thân làm việc bên bi, đông thời phải vượt qua những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quôc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyên Trang... đêu bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiêu lân trước khi in ân. May thay, với sự tiên bộ của thời đại, một sô rào 9 .c. * cản ngôn ngữ trong các đê bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiên. Mặt khác, Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thê lệ quy chuân, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bo sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phàm hậu kỳ như tóm tăt5 tân giải, đô giải hay làm tiên đê cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch ___ 9 " J sử hình thành Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng

LỜI NÓI ĐẦU xix

thêm khả năng đông bộ, lan tỏa rộng khăp5 khả năng tiêp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học,

nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo "văn nghĩa đầy diỉ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khh lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm r làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sác văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vi. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHỨNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV MỤC LỤC.....xxi BANG VIẾT TẮT.....XXXV DẪN LUẬN..... xli

ĐẠI PHẨM (MAHĀVAGGA) LỜI GIỚI THIỆU..... 3 L CHƯƠNG TRỌNG YẾU..... 7 II. CHƯƠNG UPOSATHA..... 123 IIL CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA..... 171 IV CHƯƠNG PAVĀRANẢ..... 197 V CHƯƠNG DA THÚ..... 239 VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM..... 263 VII. CHƯƠNG KATHINA..... 325 VUI. CHƯƠNG Y PHỤC..... 349 IX. CHƯƠNG CAMPĀ..... 399 X. CHƯƠNG KOSAMBĪ.....447

TIỂU PHẨM (CULLAVAGGA) LỜI GIỚI THIỆU..... 479 L CHƯƠNG HÀNH

sự..... 483 1. HÀNH Sự KHIÊN TRÁCH..... 483 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 486 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 488 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 489 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 490 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THƯ HỒI.....491 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI..... 492 2. HÀNH Sự CHỈ DẠY..... 493 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 495 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 496 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 497 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 498 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THƯ HỒI.....499 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI..... 499 3. HÀNH Sự XUA ĐUỔI..... 501 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP THUỘC HÀNH SựXUAĐUỔI..... 506 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 508 MƯỜI BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 509 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 510 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI..... 510 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI..... 512 4. HÀNH Sự HÒA GIẢI..... 513 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 516 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 517 BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 519 MƯỜI TÁM PHẬN Sự THUỘC HÀNH sự HÒA GIẢI..... 519 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI.....521 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI..... 522

5. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI..... 523 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP.....524 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 525 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN.....527 BỐN MƯƠI BA PHẬN sự THUỘC HÀNH sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI.....:..... 528 [VIỆC LÀM PHẬN Sự ĐÚNG ĐẮN CỦA TỲ-KHƯU CHANNA]..... 528 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THƯ HỒI..... 529 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI.....531 6. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LỎI..... 533 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP.....534 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 535 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 537 BỐN MƯƠI BA PHẬN sự.....538 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI..... 539 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI.....540 7. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG TỪ Bỏ TÀ KIẾN Ác..... 542 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP.....546 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 547 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG

MUỐN..... 548 BỐN MƯƠI BA PHẬN sự.....550 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI..... 551 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THƯ HỒI..... 551 n. CHƯƠNG PARIVÃSA..... 557 1. PHẬN Sự CỦA VỊ HÀNH PARIVÃSA..... 557 2. PHẬN Sự CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU..... :..... 562 3. PHẬN Sự CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MÃNATTA..... 566 4. PHẬN Sự CỦA VỊ THỰC HÀNH MÃNATTA..... 569 5. PHẬN Sự CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG sự GIẢI TỘI.....574 IIL CHƯƠNG TÍCH LŨY TÔI..... 579 l.TỘI XUẤT TINH..... 579 HÌNH PHẠT MÃNATTA CỦA TỘI KHÔNG có CHE GIAU..... 579 VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI KHÔNG có CHE GIAU..... 580

xxiv HỢP PHÀN & TẬP YẾU

HÌNH PHẠT PARIVÃSA CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY..... 582 HÌNH PHẠT MÃNATTA CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY..... 583 VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY..... 585 HÌNH PHẠT PARIVÃSA CỦA TỘI CHE GIẤU NĂM NGÀY..... 586 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH PARIVÃSA..... ..... :..... 587 VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CUA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MÃNATTA..... 589 HÌNH PHẠT MÃNATTA CỦA NHÓM BA TỘI..... 591 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CƯA VỊ THỰC HANH MÃNATTA.....592 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG sự GIAI TỘI..... 595 VIỆC GIẢI TỘI CỦA VỊ ĐƯỢC ĐƯA VỀ LẠI [HINH PHẠT] BAN ĐAU .....595 HÌNH PHẠT PARIVÃSA CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG.....598 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH PARIVÃSA NỬA THÁNG.....599 HÌNH PHẠT PARIVÃSA KẾT HỢP.....600 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU v.v... CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MÃNATTA..... 602 HÌNH PHẠT MÃNATTA CỦA NHÓM BA TỘI..... 603 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU v.v... CUA VỊ THỰC HANH MÃNATTA..... 604 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU v.v... CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG sự GIẢI TỘI..... 605 VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG..... 605 2. HÌNH PHẠT PARIVÃSA..... 609 HÌNH PHẠT PARIVÃSA KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI..... 609 HÌNH PHẠT PARIVÃSA KẾT HỢP VÓI GIÁ TRỊ CỦA TỘI CHE GIẤU DÀI NGÀY..... 610 HÌNH PHẠT PARIVÃSA HAI THÁNG..... 611 CÁCH THỨC NÊN HÀNH PARIVÃSA HAI THÁNG..... 614 HÌNH PHẠT PARIVÃSA TỪ MỐC TRONG SẠCH..... 624

MỤC LỤC XXV

3. BỐN MƯƠI TRƯỜNG HỢP HÀNH PARIVĀSA..... 627 4. BA MƯƠI SÁU TRƯỜNG HỢP HÀNH PARIVĀSA..... 630 5. MỘT TRĂM TRƯỜNG HỢP MĀNATTA..... 631 6. BỐN TRĂM TRƯỜNG HỢP ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU.....635 7. TÁM TRƯỜNG HỢP có HẠN LƯỢNG v.v..... 641 8. MƯỜI MỘT TRƯỜNG HỢP VỀ HAI VỊ TỲ-KHƯU..... 642 9. CHÍN TRƯỜNG HỢP KHÔNG Được TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU..... 644 10. CHÍN TRƯỜNG HỢP Được TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU..... 646 11. CHÍN TRƯỜNG HỢP Được TRONG SẠCH THỨ NHÌ TRONG VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU..... 647 IV CHƯƠNG DÀN XẾP..... 653 1. HÀNH XỬ LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN.....653 CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI SAI PHÁP..... 653 CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI ĐÚNG PHÁP..... 655 2. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG sự GHI NHỚ.....656 3. HÀNH XỪ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG..... 663 4. VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ Được THỪA NHẬN.....667 5. THUẬN THEO số ĐÔNG.....669 6. THEO TỘI CỦA VỊ ẤY..... 670 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 671 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 671 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 672 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 673 7. CÁCH DÙNG Cỏ CHE LẤP..... 673 8. BỐN Sự TRANH TỤNG.....676 9. CÁCH GIẢI QUYẾT sự TRANH TỤNG..... 685 HÀNH XỬ LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN..... 685 CÁCH GIẢI QUYẾT THEO LỐI ĐẠI BIỂU..... 688 CÁCH HÀNH XỬ LUẬT THUẬN THEO số ĐÔNG..... 691 BA CÁCH PHÂN PHÁT THẺ..... 692

xxvi HỢP PHẦN & TẬP YẾU

HÀNH xử LUẬT BẰNG sự GHI NHÓ..... 694 HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG..... 695 THEO TỘI CỦA VỊ ẤY.....697 VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ Được THỪA NHẬN..... 699 CÁCH DÙNG Cỏ CHE LẤP..... 701 V. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự.....705 1. CÁC TIỂU Sự..... 705 2. TỤNG PHẨM THỨ BA..... 733 VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA..... 757 VII. CHƯƠNG CHIA RẺ HÔI CHÚNG..... 805 TỤNG PHẨM THỨ NHẤT..... 805 Sự XUẤT GIA CỦA SÁU VỊ DÒNG

SAKYĀ..... 805 VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự..... 843 1. PHẬN Sự CỦA VỊ VÃNG LAI..... 843 2. PHẬN Sự CỦA VỊ THƯỜNG TRÚ..... 846 3. PHẬN Sự CỦA VỊ XUẤT HÀNH.....847 4. PHẬN Sự TÙY HỶ.....848 5. PHẬN Sự ở CHỖ THỌ THỰC..... 849 6. PHẬN Sự CỦA VỊ ĐI KHẤT THỰC..... 851 7. PHẬN Sự CỦA VỊ NGỤ ở RỪNG.....854 8. PHẬN Sự ở NƠI Cư NGỤ..... 855 9. PHẬN Sự ở NHÀ TẮM HƠI..... 858 10. PHẬN Sự ở NHÀ VỆ SINH..... 859 11. PHẬN Sự ĐỐI VÓI THẦY TẾ ĐỘ..... 861 12. PHẬN Sự ĐỐI VÓI ĐỆ TỬ..... 865 13. PHẬN Sự ĐỐI VỚI THÀY DẠY HỌC..... 868 14. PHẬN Sự ĐỐI VỚI HỌC TRÒ..... 872 IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN PĀTIMOKKHA..... 881 TỤNG PHẨM THỨ NHẤT THỈNH CẦU TUYÊN ĐỌC GIỚI BỔN PĀTIMOKKHA..... 881 TÁM PHÁP KỲ DIỆU VỀ BIỂN CẢ.....882 X. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI..... 903

XL CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRĂM VỊ..... 939 DUYÊN KHỞI CỦA VIỆC KẾT TẬP..... 939 GIẢNG VỀ CÁC ĐIỀU HỌC NHỎ NHẶT VÀ ÍT QUAN TRỌNG..... 943 GIẢNG VỀ HÌNH PHẠT PHẠM THIÊN..... 946 XIL CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ..... 951 TỤNG PHẨM THỨ NHẤT..... 951 TỤNG PHẨM THỨ NHÌ..... 959

TẬP YẾU (PARIVĀRĀ) LỜI GIỚI THIỆU..... 971 ĐẠI PHÂN TÍCH..... 977 1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 977 1. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 977 1. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA.....981 1.3. CHƯƠNG Ānīyata.....988 1. 4. CHƯƠNG NISSAGGIYA..... 992 1.5. CHƯƠNG PĀCITTIYA.....1001 1. 6. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA..... 1030 1. 7. CÁC ĐIỀU SEKHIYA..... 1032 2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI..... 1043 2. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1043 2. 2. CHƯƠNG

SAÑGHĀDISESA..... 1044 2. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA.....1046 2. 4. CHƯƠNG PĀCITTIYA..... 1048 2. 5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA..... 1057 2. 6. CÁC ĐIỀU SEKHIYA..... 1058 3. PHẦN Sự Hư HỎNG.....1063 4. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP..... 1063

5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1064 6. PHẦN Sự TRANH TỤNG..... 1064 7. PHẦN Sự DÀN XẾP..... 1065 8. PHẦN Sự QUY TỤ..... 1065 9. PHÀN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 1066 9. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1066 9. 2. PHÀN SAÑGHĀDISESAVV..... 1069 10. PHẦN BAO NHIÊU TỘI.....1074 10. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1074 10. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESAV.V..... 1075 11. PHẦN Sự Hư HỎNG..... 1077 12. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP..... 1077 13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1078 14. PHÀN Sự TRANH TỤNG..... 1078 15. PHÀN DÀN XẾP..... 1079 16. PHẦN Sự QUY TỤ.....1079 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI..... 1081 1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 1081 1. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1081 1. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA ..... 1085 1. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA.....1090 1. 4. CHƯƠNG PĀCITTIYA..... 1094 1. 5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA ..... 1124 2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI.....1126 2. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1126 2. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA ..... 1127 2. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA..... 1128 2. 4. CHƯƠNG PĀCITTIYA..... 1129 2. 5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA..... 1138 3. PHÀN Sự Hư HỎNG.....1138 4. PHẦN Sự TỔNG HỢP..... 1139 5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1139

6. PHÀN Sự TRANH TỤNG..... 1140 7. PHÀN Sự DÀN XẾP..... 1140 8. PHẦN Sự QUY TỤ..... 1141 9. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 1142 9. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1142 9. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA..... 1144 10. PHÀN BAO NHIÊU TỘI..... 1149 10. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA.....1149 10. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA..... 1150 11. PHÀN Sự Hư HỎNG..... 1152 12. PHẦN Sự TỔNG HỢP..... 1152 13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1153 14. PHẦN Sự TRANH TỤNG..... 1153 15. PHẦN Sự DÀN XẾP..... 1153 16. PHẦN Sự QUY TỤ.....1154 TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐÈ CỦA NGUỒN SANH TÔI..... 1157 TÓM LƯỢC VỀ NGUỒN SANH TỘI..... 1157 MƯỜI BA NGUỒN SANH TỘI.....1157 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHẤT..... 1158 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ..... 1158 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÀM MAI MỐI..... 1159 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU NÓI NHẮC NHỞ..... 1159 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU KATHINA..... 1160 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÔNG cừu.....1160 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PHÁP THEO TÙNG CÂU.....1161 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐƯỜNG XA.....1161 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC..... 1161 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU THUYẾT GIẢNG PHÁP..... 1162 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TUYÊN Bố sự THỰC CHÚNG .....1162 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TIẾP ĐỘ NỮ ĐẠO TẶC..... 1162 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU CHƯA Được CHO PHÉP..... 1162

XXX HỢP PHẦN & TẬP YẾU

Sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC..... 1165 PHẦN CÂU HỎI BAO NHIÊU..... 1165 1. PHẦN SÁU NGUỒN SANH TỘI..... 1170 2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI..... 1173 3. BÀI KỆ VỀ NGUỒN SANH TỘI..... 1177 4. PHẦN DO DUYÊN Hư HỎNG..... 1178 5. PHẦN DO DUYÊN TRANH TỤNG..... 1180 PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP..... 1183 6. PHẦN PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY..... 1183 7. PHẦN CÓ LIÊN QUAN..... 1186 8. PHẦN CÓ CÙNG QUAN HỆ.....1187 9. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP có LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP..... 1188 10. PHẦN CÁC

CÁCH DÀN XẾP có CÙNG QUAN HỆ ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP..... 1189 11. PHÀN CÁC CÁCH DÀN XẾP VÀ HÀNH xử LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN..... 1191 12. PHẦN CÁCH HÀNH xử..... 1192 13. PHÀN TỐT ĐẸP..... 1193 14. PHẦN NƠI NÀO..... 1194 15. PHẦN CÁCH DÀN XẾP..... 1196 16. PHẦN ĐƯỢC GẮN LIỀN..... 1197 17. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU..... 1198 18. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU VÀ KHÔNG Được LÀM LẮNG DỊU..... :..... 1200 19. PHẦN CÁCH DÀN XẾP VÀ sự TRANH TỤNG..... 1203 20. PHẦN LÀM SANH KHỞI..... 1207 21. PHẦN LIÊN HỆ VỚI.....1209 TĂNG THEO TỪNG BẬC..... 1215 NHÓM MỘT..... 1215 NHÓM HAI..... 1217 NHÓM BA..... 1224 NHÓM BỐN..... 1232

NHÓM NAM..... 1240 NHÓM SÁU..... 1249 NHÓM BẢY..... 1251 NHÓM TÁM..... 1255 NHÓM CHÍN..... 1257 NHÓM MƯỜI..... 1259 NHÓM MƯỜI MỘT..... 1262 CÁC CÂU VẤN ĐÁP VÈ LẺ UPOSATHA v v..... 1265 CÁC CÂU HỎI.....1265 CÁC CÂU TRẢ LỜI..... 1265 LỜI GIẢI THÍCH VỀ ĐIỀU LƠI ÍCH.....1267 SƯU TẬP VÈ CÁC BÀI KỆ..... 1269 BỐN Sự Hư HỎNG..... 1271 LIÊN QUAN VIỆC CẮT BÓT v.v..... 1271 ĐIỀU KHÔNG QUY ĐỊNH CHUNG v.v..... 1272 TỘI PĀRĀJIKAV.V..... 1274 PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG..... 1277 Sự MỞ ĐẦU v.v... CỦA TRANH TỤNG..... 1278 ĐIỀU CĂN BẢN v.v... CỦA TRANH TỤNG..... 1279 TỘI VI PHẠM LÀ DUYÊN CỦA TRANH TỤNG..... 1280 CHỦ Ý CỦA Sự TRANH TỤNG..... 1283 PHẦN VẤN ĐÁP..... 1285 PHẦN ĐƯỢC LIÊN KẾT..... 1286 Sự MỞ ĐÀU v.v... CỦA CÁCH DÀN

XẾP..... 1286 Sự KHÁC BIỆT v.v... CỦA CÁCH DÀN XẾP..... 1288 SƯU TẬP KHÁC VỀ CÁC BÀI KỆ..... 1293 CHƯƠNG CÁO TỘI..... 1295 Sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử..... 1295 Sự THỰC HÀNH CỦA VỊ CÁO TỘI v.v..... 1297 Sự THIÊU ĐỐT CHÍNH MÌNH CỦA VỊ CÁO TỘI..... 1298 XUNG ĐỘT [PHÀN PHỤ]..... 1301 Sự THỰC HÀNH CỦA VỊ XÉT xử..... 1301

XUNG ĐỘT [PHÀN CHÍNH]..... 1305 Sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử..... 1312 PHÂN TÍCH VỀ CÂU HỎI.....1314 PHÂN TÍCH KATHINA..... 1317 VẤN ĐÁP..... 1318 PHÀN Sự TỔNG HỢP.....1321 NHÓM NĂM VỀ UPĀLI..... 1329 1. PHẨM KHÔNG NƯƠNG NHỜ..... 1329 2. PHẨM KHÔNG THU HỒI..... 1332 3. PHẨM PHÁT BIÊU..... 1335 4. PHẨM TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM.....1338 5. PHẨM ĐÍCH THÂN KHỞI Tố..... 1342 6. PHẨM VỀ PHÁP GIŨ Bỏ..... 1347 7. PHẨM NÓI DỐI..... 1348 8. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI..... 1350 9. PHẨM ĐẠI BIỂU..... 1353 10. PHẨM GIẢI QUYẾT TRANH TỤNG..... 1356 11. PHẦM KẺ CHIA RẼ HỘI CHÚNG..... 1359 12. PHẨM THỨ NHÌ VỀ KẺ CHIA RẼ HỘI CHÚNG..... 1361 13. PHẨM VỊ THƯỜNG TRÚ.....1364 14. PHẨM THÀNH Tựu KATHINA..... 1365 NGUỒN SANH KHỞI..... 1369 SƯU TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ PHÀN HAI.....1375 CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MÒ HÔI..... 1387 NAM PHẨM..... 1395 1. PHẨM HÀNH Sự..... 1395 2. PHẨM ĐIỀU LỢI ÍCH..... 1401 3. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH..... 1402 4. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH..... 1402 5. PHẨM CHÍN CÁCH TỔNG HỢP..... 1403

PHỤ LỤC l..... 1407 PHỤ LỤC 2..... 1413 SÁCH DẪN TIÊNG VIỆT..... 1417 SÁCH DẪN PÃLI..... 1431

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIÊNG PĀLI

A. Añguttara Nỉkãya (Kinh Tăng chỉ bộ)
AA. Añguttara Nỉkãya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tăng chi bộ)
Áp. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự)
ApA. Apadāna Atthakathā (Chủ giải Thánh nhân kỷ sự)
Asi. Atthasālinī (Chú giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chủ giải Phật sử)
CNid. CũỊarỉỉddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. CũỊanỉddesa 9Atthakathā
Z /or 7 r • 9 • rrf / 7 • 9 • rrf Á9 7 • K~ • 2 *\
(Chu giải Tiêu nghía tnicn / Chu giai Tiêu aien giai)
Cp. Carỉyãpỉtaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chú giải Hạnh tạng)
Cv. Cūlavagga (Tiêu phàm)
Cvs. CũỊavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nỉkâya (Kinh Trường bộ)
DA. Dīghā Nỉkãya Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Trường bô)
Dh. Dhammapada (Kinh Pháp củ)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chú giải Kinh Pháp cu)
Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)
Gãt. Gāthā (Therā và Therĩ)\ Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ ít. Itỉvuttaka (Kỉnh Phật thuyết như vậy)
ItA. Itỉvuttaka Atthakathā (Chủ giải Kinh Phật thuyêt như vây)
J. Jātaka (Chuyện Tiền thân)
Kh, Khuddakapātha (Tiểu tụng)
xxxvi HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghĩ) Kv. Kathâvatthu (Luân sự / Những điểm dỉ biệt) M Majjhimā Nikãya (Kỉnh Trung bọ) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trung bộ) y y y Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miln. Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo) MNỈd. Mahãnỉddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahãnỉddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikãya Tīkā (Phụ chủ giải

Kỉnh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Nỉddesa (Nghĩa thích / Diễn giải) NidA. Niddesa Atthakathā (Chủ giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettỉpakaraụa (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe, Petakopadesa (Chủ thích Kỉnh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patỉsambhidāmagga {Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo) r F"g. Puggalapaññatti (Nhân thi thiêt) PugA. Puggalapaññatti Atthakathā (Chú giải Nhân thi thiết) Pv. Petavatthu (Ngợ quỷ sự / Chuyện Nga quỹ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chú giải Nga quỷ sự / Chú giải Chuyện Nga quỹ) S. Samyutta Nikãya (Kỉnh Tương ưng bô) SA, Samyutta Nỉkâya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tương ưng bô) Sn. Suttanỉpãta (Kỉnh tập) SnA. Suttanipãta Atthakathā (Chủ giải Kinh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chủ giải Kinh Trường bọ) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragãthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thũpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udãna Atthakathā
(Chú giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbk Vỉbhanga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin. Vỉnaỵa Pỉtaka (Luật tạng)
VỉnA. Vinaya Atthakathā (Chú giải Luật tạng)
Vỉsm. Vỉsuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vỉmânavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)
VvA. Vimānavatthu Atthakathā
(Chú giải Thiên cung sự / Chủ giải Chuyện Thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đổi)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Dỉvy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahāvastu (Đại sự) r
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bat-niet-bari)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasāsana Samỉtỉ edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giáo Ấn Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tẩm lý Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kỉnh Tăng chỉ bô)

xxxviii HỢP PHẦN & TẬP YẾU

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Câm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kỉnh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Mỉlỉnda (Milinda vấn đạo) PC Points of Controversy (Những điểm dỉ biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điển Phật giảo) SBE. The Sacred Books of the East (Thảnh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTPV. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCT./Đại./T. Đại Chảnh tân tu Đại tạng Ả7•()
N. Nam truyền Đại tạng kỉnh ()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm ()
Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm (,Ekottarỉkãgamă)
Tạp./SÃ. Tạp A-hàm (, Sarnyuktāgamd)
Trung./ MA. Trung A-hàm kỉnh (,Mãdhyamãgamd)
Trường./DÃ. Trường A-hàm kỉnh (,Dīrghāgama)
TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hon hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD, Engỉish-Pãli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pali-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điên

BẢNG VIẾT TẮT xxxix

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) VRL Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiên quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thảnh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiêu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân... (v.v...) f./ ff. (following pages) trang kê tiêp / các trang kê tiêp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách

đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang

xi HỢP PHẦN & TẬP YẾU

tr. (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ Trong ân bản Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam này, bản Luật tạng Pali được chọn in là bản dịch của Thượng tọa Indacanda Chánh Thân được dịch Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004. Đe giúp độc giả hiểu rõ về Luật tạng Pãlỉ của Thượng Tọa bộ so với Luật tạng của năm trường phái Luật học1234567Phật giáo hiện còn lưu trữ bằng Hán văn trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh Taishõ Shinshũ Daizokyo. tôi khái quát về sáu trường phái Luật Phật giáo, giới thiệu về cấu trúc và nội dung của Luật tạng Pali cũng như một so thuật ngữ Luật học Phật giáo thông dụng.

L CÁC TRƯỜNG PHÁI LUẬT PHẬT GIÁO Ngoài Luật tạng Pãli còn gọi là Luật Thượng Tọa bộ Theravāda Vỉnaya. có năm trường phái Luật Phật giáo hiện vẫn còn các bản văn lưu hành thuộc các trường phái Phật giáo tiêu biêu gôm: i Luật tứ phản Cāturvargīya Vỉnaya^ 3 của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka, ii Luật Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần {Mahīsāsaka Vinaya, gọi tắt là Luật ngũ phần Pañcavargika Vỉnaya.4 cha Hóa Địa bộ Mahīśāsaka,iii Luật Ma-ha Tang-ky Mahāsāmghika Vỉnaya,gọi tắt là Luật Tăng-kỳ 5 cha Đại Chúng bộ Mahāsāmghika,iv Luật thập tụng Daśa-bhānavāra Vỉnaya. ,6 còn gọi là Luật Tảt-bà-đa bộ thập tụng 7 ciỉa Thuyết

1 Xem bảng đối chiếu chi tiết giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ với 5 trường phái Luật Phật giáo trong Giới bẩn Ty-kheo của Luật tứ phần, Thích Nhật Từ dịch va chu thích Hà Nọi: NXB. Hồng Đưc, 2021, tr. 72-89. 2 Các thuật ngữ Cāturvargĩya Vìnaya, Pañcavargika Vìnaya, Daẩa-bhãnavãra Vỉnạya do dịch giả đời sau dịch từ chư Hán sang Sanskrit. Cho đến ngày nay, các học giả chưa tìm ra bộ góc có các thuật ngữ Sanskrit này. 3 Tứ phần luật được đánh số trong Đại Chảnh là T1428-34. 4 Dỉ-sa-tắc ngũ phần luật được đánh số trong Đại Chảnh là 7? 1421-24. 5 Ma-ha Tăng-kỳ luật được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1425-27. 6 Thập tụng luật được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1435-41. 7 Theo Xuat tam tạng ký tập r.55. 2145.3. 0020al3.

xlii HỢP PHẦN & TẬP YẾU

Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda,v Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vỉnaya.8 gọi tắt là Luật Căn Hữu bộ hay Luật Căn Hữu thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda,. Tại Trung Qu6c, Luật tứ phân, Luật ngũ phân, Luật thập tụng, Luật Ma-ha Tăng-kỳ được phổ biến rộng rãi và được gọi là bốn bộ Luật lớn . Trong thời đại Nam Bắc triều ,420-589, Luật thập tụng và Luật Ma-ha Tăng-kỳ là hai bộ thịnh hành nhất, đặc biệt là ở Giang Nam .Trong thời Tùy Đường ,581-907, Luật tứ phần thịnh hành nhất tại Trung Quốc. Trong Đại Chánh tân tu

Đại tạng kinh gọi tắt là Đại Chánh tạng hiện còn lưu giữ các bản văn của năm trường phái Luật và một phần của Luật Theravâda cũng như một số bản văn Luật thuộc Phật giáo Đại thừa. Nếu Luật tạng Thượng Tọa bộ đại diện Phật giáo Thượng Tọa bộ P. Theravâda, s. Sthaviravāda,còn gọi là Phật giáo Nguyên thủy tại Việt Nam thì Luật tứ phần đại diện cho Luật tạng được áp dụng phổ biến tại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên. Luật tạng Thượng Tọa bộ là bộ Luật Phật giáo đầu tiên được biên tập thành văn bản viết vào thế kỷ I TTL, đang khi các bản văn Luật tứ phần, Luật ngũ phần, Luật Ma-ha Tăng-kỳ và Luật thập tụng được dịch sang Hán văn trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ v. Riêng bộ Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vinayo được dịch sang tiếng Trung Quốc vào đầu thế kỷ VIII và sang tiếng Tây Tạng vào đầu thế kỷ IX. 1. Luật tạng Pali Vinaya Pỉtaka.của Thượng Tọa bộ có 5 tập: Phăn tích Giới Suttavibhañga.Kinh phân biệt8910 gồm Phân tích Giới 11 bổn Tỳ-kheo {Mahāvibhañga. Đại phân biệt; ii Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo 1° gồm 227 điều giới tiếp theo, và Phân tích Giới bổn Tỳ- kheo-ni gồm 311 điều giới; iii Đại phẩm {Mahāvagga. gồm 10 chương; iv Tiểu phẩm Cuỉlavagga.11 gồm 12 chương; v Tập yếu Parivārā.Phụ tùy12 trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vân đáp.

8 Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1442-59. 9 Bản Trung văn của Diệu Thông về Kỉnh phân biệt :http://tripitaka.cbeta.org/NO lnOOO l hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinayaA^inaya-l-Han-Yuan-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022. 10 Bản Trung văn của Diệu Thông về Kinh phân biệt tiếp theo: http://tripitaka.cbeta.org/ N02n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-2-Han-Yuan-Hen.html truy cập 26-02-2022. . https:// dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-4-Han-Yuarì-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022. 12 Bản Trung văn của Diệu Thông về Tập yếu ,Phụ tùy: http://tripitaka.cbeta.org/N05n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-5.Han.Yuan-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022.

2. Luật tứ phần Cāturvargīya Vìnaya^ hay Luật Pháp Tạng bộ pharmagupta Vìnaya,thuộc Pháp Tạng bộ hay còn gọi là Luật Đàm-vô-đức ,có nghĩa đen là "Luật tạng bốnphần'\ gồm 60 tập, do Phật-đà-da-xá Buddhayaśa, dịch vào khoảng năm 408-13 và Trúc Phật Niệm dịch vào khoảng năm 412-13, thuộc triều đại Hậu Tần ,384-417. về sau, tại Trung Quốc, Luật tứ phần là bản văn được Luật tông ,một trong mười tông phái của Phật giáo Hán truyền chọn làm bản Luật để nghiên cứu, hành trì. Chính vì thế, Luật tông còn được gọi là “Tú* phần luật tong^ hoặc "Nam Sơn luật t6ng”. Sở dĩ có tên gọi là Luật tứ phần là vì Luật Pháp Tạng bộ có cấu trúc gồm 4 phần. Phần thứ nhất giới thiệu chi tiết về 250 điều giới Tỳ-kheo ,gồm 21 quyển đàu từ quyển 1-21. Phần thứ hai tri bày 348 điều

giới Tỳ-kheo-ni và 4 chủ đề quap trQng như tiếp nhận giới ,dQq giới , an cư ,tự tứ ,gồm 16 quyển kế từ quyển 22-37. Phần thứ ba nói về 15 chủ đề gồm phép tự tứ tiếp theo, da thuộc ,y ,thuốc y công đức Cau-thiem-di Chiêm-ba quở trách ,người ,phú tàng ,giá ,phá Tăng ,dứt tranh chấp Tỵ-kheo-ni và pháp ,gồm 12 quyển từ 38-49. Phần thứ tư đề cập về 50 chủ đề khác bao gồm phòng xá ,hỗn hợp ,đại hội biên tập 500 người ,đại hội biên tập 700 người ,Điều bộ Tỳ-ni và Tỳ-ni tăng nhất _ gồm 11 quyển. 3. Luật thập tụng Daśa-bhānavāra Vỉnaya,,còn gọi là Luật Tát- bà-đa bộ thập tụng có nghĩa đen là bộ Luật mười lần trì tụng Ten Recitations Vinayo trong 90 ngày của mùa an cư thuộc lần biên tập đầu tiên sau khi đức Phật nhập Đại Niết-bàn. Tuy nhiên, cách giải thích trên cũng chưa có phân thuyêt phục hoàn toàn, vì chữ "tụng" này đông nghĩa như chữ “phAn”nên bộ Luật này còn được dịch là Luật mười phần. Đây là bộ Luật tạng của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvãstivãda w7,_, gồm 6l tập được ngài Công Đức Hoa Punyatāra,13 truyền miệng bản Sanskrit và ngài Cưu-ma-la-thập Kumārajīva,344-413 dịch sang Hán văn trong triều đại Hậu Tần 399-413. Theo Xuất tam tạng kỷ tập ,ngài Ciru-ma-la-thập cung thỉnh ngài Punyatāra đến Trường An truyền bá Luật học. Vào ngày 17-10-404, hơn 600 Sa-môn đã đến chùa Trường An Trung nghe ngài Punyatāra trùng tuyên Luật, ngài Cưu-ma-la-thập dịch ra Hán văn. Mới hoàn thành được 2/3 công trình phiên dịch thì ngài Punyatāra viên tịch.13 14

13 Punyatāra thường được phiên âm là Phất-nhã-đa-la hay Bất-nhã-đa-la là người Kashmir B . 14 Tham chiếu: Xuất tam tạng ký tập 5. 2145.3. 0020a29b02:" M."

Cũng theo Xuất tam tạng ký tập ,tập 3, để hoàn tất dịch phẩm này, ngài Huệ Viễn 334-417 thỉnh ngài Đàm-ma-lmi-chi S. Dharmaruci người Nam Ấn đến Trường An mang theo bản chép tay bản Luật Sanskrit phần còn lại và thỉnh ngài Cưu-ma-la-thập tiếp tục dịch sang Hán văn. Khi dịch tổng cộng được 58 quyển, chưa kịp xuất bản thì ngài Cưu-ma-la-thập viên tịch. Ngài Tỳ-ma-la-xoa s. Vimalāksa đã mang bản thảo đến chùa Thạch Nhuận ở Thọ Xuân nay là huyện An Vi Thọ qjch thêm Thiện tụng Tỳ-ni tự còn gọi là Tỳ-nỉ tụng gồm 3 quyển. Sau đó chỉnh lý Luật thập tụng thành 61 quyển. 4. Luật ngũ phần ,gọi đủ là Luật Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần {Mahīśāsaka Vỉnaya.,còn gọi là Luật Dỉ-sa-tắc có cấu trúc gồm 5 phần. Đây là Luật tạng của Hóa Địa bộ S. Mahīśāsaka, P. Mahimsāsaka,do Phật-đà-thập s. Buddhajīva người Kashmir M và Sa-môn Trí Nghiêm 15 dịch năm 423 hoặc 424 tại chùa Long Quang ở Dương Đô .Theo Cao Tăng Pháp Hiển truyện^ bộ Luật này được ngài Pháp Hiển ,337-422 mang từ Tích Lan Sri Lanka về Đông Tấn vào năm 413. 5. Luật Ma-ha Tăng-kỳ {Mahãsãmghỉka Vỉnaya.gọi tắt là Luật Tăng-kỳ là Luật tạng của Đại Chúng bộ5 do ngài Phật-đà-bạt- đà-la ,S.

Buddhabhadra, 359-429 và ngài Pháp Hiểndịch, gồm 40 quyển, vào tháng 11 năm Nghĩa Hy thứ 12, tức là năm 416, trong triều đại Đông Tấn ,317-420.15 *17 6. Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bỡ {Mūlasarvāstivāda Vỉnaya, hay Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da của bộ phái Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda,do ngài Nghĩa Tịnh 635-713 chủ biên bản dịch vào thế kỷ VIII thuộc nhà Đường 618-907, Trung Quôc, gôm 200 quyên, vân chưa hoàn tát. An bản băng tiêng Tây Tạng của ngài Thắng Hữu s. Jinamitra được dịch vào thế kỷ VIII-IX được xem là bản dịch hoàn chỉnh nhất của bộ Luật này và được các trường phái Phật giáo Tây Tạng sử dụng thống nhất.18

15 Có giả thuyết thay thế ngài Trí Thắng v&i ngài Đạo Sanh 355-434. ^ Cao Tăng Pháp Hiển truyện7.51. 2085. 0865c24: . 17 Theo Khai Nguyên Thích giáo lục, quyển 3: ÏÎẫ.Niên hiệu Nghĩa Hy chỉ có 14 năm, năm thứ 14 tức là năm 418. 18 Tuy thông tin Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bô được cho là Luật tạng của Phật giáo Tây Tạng, nhưng khi so sánh bản luật trong Hán tạng và bản Tạng ngữ ngày nay cung co sự khác biệt giữa nhóm Điều nên học {Sekhiyă.

về cấu trúc, Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ được phân làm 4 phần: (i) Phân biệt luật (S. Vỉnaya-vỉbhaúga,Tỳ-nại-da phân biệt); (ii) Sự việc của luật (S. Vỉnaya-vastu,,Tỳ-nại-da sự); (iii) Tạp sự của luật (S. Vinaya-ksudraka.,Tỳ-nại-da tạp sự); (iv) Các phần tăng theo pháp số của luật (S. Vỉnayottaragrantha, Tỳ-nại-da thướng phần). Phần sự việc của luật (S. Vinaya-vastu), theo bản Sanskrit hiện nay, bao gồm 17 phần như sau: (i) Gia nhập Tăng đoàn (S. pravrạjyã)\ (ii) Lễ thuyết giới (S. Posadha, Bố-tát); (iii) Lễ an cư mùa mưa (S. Pars ā); (iv) Lễ Tự tứ cuôi mùa an cư (S. Pravārana)\ (v) Sử dụng dép và các đô vật làm băng da (S. carma); (vi) Thuốc thang (S. bhaisajya); (vii) Các loại y (S. cīvaraṃ (viii) Y công đức (S. kathina)} (ix) Tranh chấp của Tăng đoàn tại Kauśāmbī (S. Kauśāmbī); (x) Biểu quyết Tăng đoàn (S. karma); (xi) Kỷ luật trong Tăng đoàn (S. pāndulohitaka)\ (xii) Cách phạt người phạm tội Tăng tàn (S. pudgaỉa); (xiii) Nguyên tắc ứng xử biệt trú (S. pãrivãsika); (xiv) Đình chỉ lễ Bố-tát (S. posadhasthāpana)\(XV)Thủ tục giải quyết tranh chấp (S. adhikarand)\ (xvi) Phá hòa hợp Tăng (S. Samghabheda)\ (xvii) Trú xứ và đồ vật (S. ảayanãsana). H. LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA Bô: CÁU TRÚC VÀ NÔI DUNG 1. về cấu trúc và số tập Luật tạng (P=s. Vìnaya-pitaka,)được phiên âm trong Hán văn là Tỳ-nạỉ-da "g (),là tuyển tập các quy định về giới luật Phật giáo ( )được đức Phật chế định cho người xuất gia. Giới luật được hình thành từ cuộc sông của Tăng đoàn, liên hệ đên các phương diện sinh hoạt nên được xem là nơi nương tựa của Tăng đoàn. về cấu trúc trong ấn bản Pali, Luật tạng gồm có 3 phần chính: (i) Phân tích Giới bổn (Suttavibhañga.)(ii) Hợp phần (Khandhakă) thường được phiên âm là "Kiền-dO” ()và dịch nghĩa là "Thiên chương,, ();(iii) Tập yếu (Parivārā) còn được dịch là "Phu tùy"(). về số tập, 3 phần của Luật tạng chia làm 5 tập: (i) Phân tích Giới bổn

(Suttavibhañga.Kinh phan biệt), với 227 điều, gồm Phân tích Giới Tỳ-kheo (Bhỉkkhuvỉbhangd) từ phần Pārājika đến Nissaggiya; (ii) Phân tích Giới Tỳ-kheo (Bhikkhuvibhañga) tiếp theo cho đến hết, và Phân tích Giới Tỳ-kheo-nỉ (Bhikkhunivibhañga.g)gồm 311 điều; (iii) Đại phẩm {Mahāvagga,)gồm 10 chương; (iv) Tiểu phẩm (Cullavagga,)gồm 12 chương; (v) Tập yếu (Parivārā.Phụ tùy) trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vấn đáp. Bản Hán dịch được nhà xuất bản Diệu Lâm ()thuộc chùa Nguyên Hanh ()an hành vào năm 1990 trong Đại tạng kỉnh Nam truyền (

),gồm 5 tập, được xem là bản dịch tương đối trung thành với ấn bản Pali của Hội Thánh điển Pali (Pali Text Society). Tạng Luật Pali do Thượng tọa Indacanda dịch tiếng Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004, lúc đầu được phổ biến tại trang nhà tamtangpaliviet.net19 gồm có 9 tập: (i) Phân tích Giới Ty-kheo I; (ii) Phân tích Giới Ty-kheo II; (iii) Phân tích Giới Ty-kheo-ni; (iv) Đại phẩm I; (y) Đại phẩm II; (vi) Tiểu phẩm I; (vii) Tiểu phẩm II; (viii) Tập yếu I; (ix) Tập yếu II. 2. Phân tích Giới bổn Ty-kheo (Bhikkhu Pātimokkha vibhañga) Giới bổn Ty-kheo ()còn gọi là Kinh giới Tỳ-kheo ( )là bản văn gồm 227 giới điều đối với Luật Thượng Tọa bộ (Theravāda Vinayo)^ 250 điều của Tỳ-kheo đối với Luật tứ phần (Dharmaguptaka Vinayo), 251 điều đối với Luật ngũ phần {Mahīśāsaka Vinayo). 218 điều đôi với Luật Ma-ha Tang-ky {Mahāsāmghika Vinayo), 263 điêu đôi với Luật thập tụng {Sarvāstivāda Vinayo) và 249 điêu đôi với Luật Căn Bản Thuyết Nhát Thiêt Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vinayo) theo bản Hán văn, 257 điêu theo bản Tây Tạng và 263 điều theo bản Sanskrit. BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỚI TỲ-KHEO CỦA CÁC PHÁI LUẬT

Luật Luật Cần Giải Luật Luật Luật Luật Căn Bản Luật thoát tư ngũ Tăng- thập Bản Bản tiếng Pali giới phần phần kỳ tụng Hán Tây Phạn kinh văn Tạng

Trục xuất 4 4 4 4 4 4 4 4 4 4 (Pārājika)

Tăng tàn 13 13 13 13 13 13 13 13 13 (Sañghādisesa)

Không xác định 2 2 2 2 2 2 2 2 2 (Aniyato)

Ưng xả đối trị (Nissaggỉya 30 30 30 30 30 30 30 30 30 Pãcittỉya)

20 Xem chi tiết 227 giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ đối chiếu với 5 trường phái Luật Phật giáo trong quyến Lý Phụng My, Nghiên cứu giới Tỳ-khẹo của Thượng Tọa bộ: Đối chiêu với năm phải Luật Phật giao, Thích Nhạt Tư dịch (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 69-501.

Ưng đối trị 92 90 91 92 90 90 90 90 90 (Pãcittiyd)

Ưng phát lộ 4 4 4 4 4 4 4 4 4 (Pātidesanīya)

Điều nên học 75 100 100 66 113 99 107 96 113 (Sekhiyà)

Dứt tranh chấp 7 7 7 7 7 7 7 7 7 (Adhikaranasamathã)

Tổng số giới 227 250 251 218 263 249 257 264 263

3. Phăn tích Giới bổn Tỳ-kheo-ni (BhikkhunīPãtỉmokkha vibhangă) Giới bổn Tỳ-kheo-ni ()còn gọi là Kỉnh giới Tỳ-kheo-ni ( )là bản văn có 311 giới điều theo Luật
Thượng Tọa bộ (Theravāda Vinayo)^ 348 điều của Tỳ-kheo-ni theo Luật tứ phần {Dharmaguptaka Vinayo), 380 điều đối với Luật ngũ phần {Mahīśāsaka Vỉnayă). 290 điều đối • A re ' Ma-ha Tăng-kỳ {Mahāsāmghika với Luật \ -r • Vinayo), 354 điêu đôi với r thập r Luật tụng (Sarvāstivāda Vinayo) và 361 điêu đôi với Luật Căn Bản Thuyêt Nhát Thiêt Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vinayo). BẢNG ĐỐI CHIỂU GIỚI TỲ-KHEO-NI CỦA CÁC PHÁI LUẬT

Luật Luật tứ Luật ngũ Luật Luật thập Luật Căn Pali phần phần Tăng-kỳ tụng Bản

Trục xuất 8 8 8 8 8 8 (Pārājikā)

Tăng tàn 17 17 17 19 17 20 (Sanghãdisesă)

Ưng xả đối trị 30 30 30 30 30 33 (Nissaggiya Pâcittiya)

Ưng đối trị 166 178 210 141 178 180 (Pãcittỉya)

Ưng phát lộ 8 8 8 8 8 11 (Pātidesanīya)

21 Xem chi tiết 311 giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ trong Phụ lục t4Giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ bằng tiếng Việt, Pâli và Trung vn" trong quyển Giới bổn Tỳ-kheo-nỉ của Luật tứ phần, Thích Nhật Từ dịch và chú thích (Hà Nội: NXB. Hồng Đúc, 2021), tr. 94-180.

xlviii HỢP PHẦN & TẬP YẾU

Điều nên học 75 100 100 77 106 102 (Sekhiyd)

Dứt tranh chấp 7 7 7 7 7 7 (Adhỉkaranasamathã)

Tong so giới 311 348 380 290 354 361

4. Đại phẩm {Mahāvagga,) Đại phẩm (Mahāvagga,)là phần đầu của bộ Hợp phần (Khandhaka,)gồm có 10 chương. (i) Chương quan trọng {Mahâkhandhaka.Đại kiền-độ) gồm các . ,AM. . • quy đinh vê xuât gia và thọ giới. (ii) Chương lễ đọc giới (Uposathakkhandhaka,Bố-tát kiền-độ) gôm các quy định vê cách xác định ranh giới (sĩmã), sám hôi, đọc giới. (iii) Chương an cư mùa mưa (Vassũpanãyỉkakkhandhaka,, Nhập vũ an cư kiền-độ) gồm các quy định về việc tu tập và hành đạo trong an cư mùa mưa. (iv) Chương tự tứ (Pavāranākkhandhaka.Tự tứ kiền-độ) gồm các quy đinh về việc Tỳ-kheo tự sám hối khi kết thúc an cư mùa mưa. (v) Chương da thú (Cammakkhandhaka, ,Bì cách kiền-độ) gồm các quy định về dép và các vật dụng được làm bằng da thú. (vi) Chương dược phẩm (Bhesajjakkhandhaka.,Dược kiền-độ) gồm các quy đinh vê dược phàm, thực vật và cách chữa một sô bệnh thông thường. (vii) Chương y công đứcỌCathinakkhandhaka.Ca-hy-na y kiền-độ) gồm các quy định về y công đức

khi kết thúc an cư mùa mưa gồm cách may, cách sử dụng và ý nghĩa. (viii) Chương về y (Cīvarakkhandhaka, Y kiền-độ) gồm các quy đinh về pháp phục của Tăng đoàn. (ix) Chương Chiêm-ba (Campeyyakkhandhaka.Chiêm-ba kiền- độ) gôm các quy định vê các hoạt động hợp pháp và phi pháp của Tăng đoàn ở Campā. (x) Chương Cau-thiệm-di (Kosambakakkhandhaka.Câu- thiệm-di kiền-độ) gồm các quy đinh về phá hòa hợp Tăng của một số Tỳ-kheo ở Kosambī. 5. Tiểu phẩm (Cullavagga, /J) Tiểu phẩm (Cullavagga.)là phần cuối của bộ Hợp phần (Khandhaka. Ắ)gom co 12 chươ^ ụ ,

(i) Chương hành sự (Kammakkhandhaka, 9 Yet-ma kiền-độ) gồm các quy định về hành sự như khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo do không thừa nhận tội, không sửa lỗi và không bỏ ác kiến. (ii) Chương biệt tru (Parivāsakkhandhaka,Biệt tru kiền-độ) gồm các quy định trị phạt Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn, gồm ở riêng (Parivãsa). ý hỷ (Mânatta), giải tội (Abbhãnă) và phục hồi tư cách Tăng sĩ. (iii) Chương tích lũy tội (Samuccayakkhandhaka.Tập kiền-độ) gồm các quy định về trị phạt Tỳ-kheo tiếp tục phạm tội đang trong giai đoạn biệt trú do vi phạm tội Tăng tàn. (iv) Chương dứt tranh chấp (Samathakkhandhaka.Diệt tránh kiền-độ) gồm các quy đinh về 7 phương pháp dứt tranh chấp trong Tăng đoàn. (v) Chương các việc nhỏ (Khuddakavatthukkhandhaka, Tiểu kiền- độ) gồm các quy đinh về các sinh hoạt thường nhật của Tăng đoàn như đắp y, vật dụng, thuyêt pháp. (vi) Chương dụng cụ ngồi và nằm (Senãsanakkhandhaka., Ngọa tọa cụ kiền-độ) gồm các quy định về các dụng cụ ngồi, dụng cụ nằm, xây dựng, quản lý tự viện. (vii) Chương chia rẽ Tăng đoàn (Sañghabhedakkhandhaka,Phá Tăng kiền-độ) gồm các quy định về việc chia rẽ Tăng đoàn của Devedatta và cách khắc phục. (viii) Chương phận sự (Vattakkhandhaka.Nghi pháp kiền-độ) gồm các quy định về 14 phận sự của nguôi xuất gia như khất thực, ở nhà ăn, sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh, quan hệ thây trò,... (ix) Chương đình chỉ thuyết giới (Pātimokkhatthapanakkhandhaka. ,Giá thuyết giới kiền-độ) gồm các quy định về việc đình chỉ thuyết Giới bổn nhằm loại bỏ các Tăng sĩ phạm giới, giữ gìn sự thanh tịnh của Tăng đoàn. (x) Chương Ty-kheo-ni (Bhikkhunikkhandaka,Tỳ-kheo-ni kiền-độ) quy định ve 8 điều cung kính và 24 điều trở ngại của Ni giới. (xi) Chương 500 Thánh T ăng két tập kinh điên lân l (Pāñcasatikakkhandhaka, Ngũ bách kết tập kien-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ nhất với sự tham dự của 500 A-la-hán. (xii) Chương 700 Thánh Tăng kết tập kinh điển lần 2 (Sattasatikkhandhaka. Thất bách kết tập kiền-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ hai với sự tham dự của 700 A-la-hán. 6. Tập yếu (Parivārā.,Phụ tùy) Tập yêu là phân phụ lục trong Luật tạng gôm 19 chương nhăm giải đáp các câu hỏi về giới luật được đề cập trong Giới bổn Tỳ-kheo, Giới bổn Tỳ-kheo-ni, Đại phẩm và Tiểu phẩm.

l > HỢP PHÀN & TẬP YẾU

(i) Chương giải thích về các điều luật của Tỳ-kheo {Mahãvỉbhanga. 0, Đại phân biệt), giải đáp về 227 giới Tỳ-kheo liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Không xác

đinh, Ưng xả đối trị, Ưng đối tri, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp. (ii) Chương giải thích về các điều luật Tỳ-kheo-ni (Bhikkhunivibhañga, o, Ty-kheo-ni phân biệt), giải đáp về 311 giới Tỳ-kheo-ni liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Ưng xả đối trị, Ưng đối tri, Ưng phát lộ5 Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp. (iii) Chương tình huống phạm giới (Samutthānasisasañkhepa.Đẳng khởi) giải đáp về nguyên nhân phạm giới, tình huống phạm giới do thân, do miệng và do ý. (iv) Chương nguyên nhân phạm giới và cách dứt tranh chấp (Samathabheda. ,Vô gián tỉnh lược hòa diệt tránh phân giải) giải đáp về các trường hợp phạm giới, 6 nguyên nhân tranh chấp, 18 sự chia rẽ, 6 nguồn sanh tội và 4 cách dứt tranh chấp. (v) Chương về hợp phần (Khandhakapucchāvāra,vấn kiền-độ) giải đáp về các tội trong chương trong Đại phẩm và Tiểu phẩm. (vi) Chương tăng theo bậc (Ekuttarỉkanaya.Tăng nhất pháp) giới thiệu các nhóm pháp từ l đên 11 được nêu trong Kinh phân biệt và Hợp phân, (vii) Chương Bố-tát (Uposathādipucchāvissajjanā, Bố-tát giải đáp dĩ cập chế giới nghĩa lợi) giải đáp về lễ đọc giới và 10 lợi ích của chế định giới luật. (viii) Chương thi kệ (Gāthāsañganika,Ca-đà tập) gồm tuyển tập các bài thi kệ về các điều nên học của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. (ix) Chương giải thích về tranh chấp (Adhikaranabheda.,Tránh sự phân giải) giải thích về 4 tranh chấp và 7 cách dứt trừ. (x) Chương thi kệ khác (Aparagāthāsañganika.Biệt già-đà kệ) gôm tuyên tập các bài thi kệ khác két tội, thái độ của người cáo tội, người ngu dốt, người vô liêm sỉ và người thông thái về tội. (xi) Chương cáo tội (Codanākanda.Ha trách phẩm) giải thích về cách cáo tội, xét xử và làm lễ đọc giới.

A (xii) Chương tranh chấp phụ (Cullasañgāma,Tiểu tránh) giải thích : e A X

vê sự phạm tội, các tranh châp trong Tăng đoàn vê phạm tội và các điêu học. (xiii) Chương tranh chấp chính {Mahāsañgāma.,Đại tránh) giải thích về tranh chấp về phạm tội, cách xét xử, điều nên làm. (xiv) Chương y công đức (Kathỉnabheda.Ca-hy-na y) giải đáp ve y công dức, tiếp nhận y và hiệu lực của y.

(XV)Chương năm điều của Ưu-bà-ly (Upālipañcaka,ưu-bà- ly ngũ pháp) đức Phật giải đáp về 5 câu hỏi của Tôn giả upâli về những vấn đề trong Đại phàm và Tiếu phàm. (xvi) Chương nguồn sinh tội (Atthāpattisamutthāna.,Đẳng khởi) giải đáp vê vô ý phạm tội và nguôn góc của tội Trục xuất (giông chương I, II, III) (xvii) Chương thi kệ phần 2 {Dutiyagāthāsañganika, 9 Đệ nhị già-đà tập) giải đáp về 6 tội của thân, các tội của miệng và 12 tội Tăng tàn. (xviii) Chương thi kệ xuất mồ hôi {Sedamocanagāthā.Phát hãn kệ) gồm tuyển tập các thi kệ về các tội Trục xuất, Không ở chung, Tăng tàn và các tội liên quan. (xix) Chương 5 điều (Pañcavagga,,Ngũ phẩm) giải thích 4 biểu quyết Tăng đoàn, 2 lợi ích và 9 cách tổng hợp. III. CÁC THUẬT NGỮ LUẬT QUAN TRỌNG Trục xuất (Pārājika,):Thường phiên âm là "Ba-la-di"(),dịch là "cực ác,9 (),“ch/t dầu” (đoạnđầu,'"vứtbQ” (khí vô dư,), hay "không ở chung” (bất cộng trụ,),gom 4 điều giới nặng nhất, theo đó, Tăng sĩ nào vi phạm sẽ bi trục xuất trọn đời khỏi Tăng đoàn và không còn cơ hội phục hồi tư cách Tăng sĩ nữa. Bên Tăng có 4 giới, đang khi bên Ni có 8 giới trục xuất bao gồm: (i) Quan

hệ tình dục với người hoặc động vật; (ii) Trộm cắp tài sản; (iii) Giết người, xúi giục, đồng lõa, ủng hộ giết người; (iv) Tuyên bố lừa dối rằng mình là Thánh nhân, chứng đắc thiền định; (v) Tiếp xúc cơ thể người nam; (vi) Cho người nam chạm cơ thể; (vii) Che giấu đồng tu phạm tội Trục xuất; (viii) Đi theo thầy Tăng bị tố giác. Tăng tàn (Sañghādisesa,)Thường phiên âm là "Tăng-già-bà-thi- sa"()gồm 13 tội nặng đối với Tăng, trong đó, 9 giới đầu, hễ phạm là thành tội, còn 4 giới sau, sau ba lần khuyên mà không buông bỏ, mới tính phạm tội. Bất kỳ Tăng sĩ nào vi phạm tội Tăng tàn đã làm tư cách Tăng sĩ của mình bị tàn phế (tàn mệnh,)hoặc "tàn khuyết bất toàn,, (), o • 7 r # L. tức bị sứt mẻ9 không còn trọn vẹn phàm chát Tỳ-kheo. 13 giới Tăng tàn đôi với Tăng bao gồm: (i) Thủ dâm xuất tinh; (ii) Chạm thân người nữ; (iii) Noi lời dâm dục; (iv) Đòi hiến dâm dục; (v) Làm người mai moi; (vi) Làm thất quá mức quy đinh và không do chư Tăng chỉ đinh; (vii) Không thỉnh chỉ định từ chư Tăng; (viii) Vu khống phỉ báng; (ix) Phỉ báng một chiều; (x) Phá hòa hợp Tăng; (xi) Hỗ trợ phá Tăng; (xii) Hoen ố tín đồ; (xiii) Ngoan cố chống cự. Bên Tỳ-kheo-ni có 17 giới Tăng tàn, bao gồm 13 điều của Tăng và thêm các giới sau đây: (xiv) Cùng người làm ác;(XV)Khuyên đừng tách chúng; (xvi) Bỏ Ba ngôi báu; (xvii) Cho rằng Ni đoàn còn si mê. Muốn phục hồi tư cách Tăng sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm giới Tăng tàn phải bị phạt sống biệt trú bằng với thời gian giấu tội, chịu phép "Ý hy” (Mãnatta,)trong 6 ngày

dành cho chư Tăng và đôi với chư Ni thì 14 ngày đê chứng minh sự tiên bộ của bản thân. Phép làm xóa tội, Ty-kheo phải có sự chứng minh của 20 vi Ty-kheo, đang khi Ty-kheo-ni phải có 20 vị Ty-kheo9 cung với 20 Ty-kheo-ni mới được xem là hợp lệ. Chưa xác đinh Ānīyata.Chỉ áp dụng với Tăng, không áp dụng với Ni, gồm hai trường hợp: Tăng sĩ ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ có thể hành dâm, nhưng chưa thê xác đinh giới nào đã phạm, cho đên khi có người chân thật làm chứng thuyết phục và chính Tăng sĩ đó thừa nhận mình vi phạm tội Trục xuất hay tội Tăng tàn. Ưng xả đối tri Nỉssaggỉya Pâcỉttiya.Thường phiên âm là "Ni-tát- kỳ Ba-dāt-de,9 được dịch là "Xả đọa,9 trong Hán tạng hay “Ung xả đối tn,9 trong Luật Nam tông. Tăng sĩ nào vi phạm l trong 30 điều giới này thì các vật dụng không được phép giữ hoặc giữ sai phép sẽ bi Tăng đoàn tịch thu, tức phải xả bỏ các vật dụng đồng thời phải sám hối lỗi này với Tỳ-kheo khác. Ưng đối tri 7,:Thường phiên âm là "Ba-dat-dề", “Ba-dạdề”,"Ba-dat-dể-ca” và được dịch là "Bơn dqa” hay "Ung đối trị"gồm 90 lỗi nhỏ. Tang sĩ nào vi phạm các điều giới này chỉ cần sám hối trước Tỳ-kheo khác là hết tội. Ưng phát lộ Pātidesanīya.:Thường được dịch là "hối quá" hay "tự ưng phát 10,9 ê ,gồm 4 lỗi; theo đó, Tăng sĩ vi phạm phải tự nói lỗi trước Tỳ-kheo để được thứ lỗi và làm mới. Bốn lỗi này gồm: i An đồ của Ni; ii Ăn các thức ăn Ni chỉ bảo; iii Ăn của tín chủ nghèo; iv Ăn ở chỗ đáng sợ. Điều nên học Sekhiya hay Sikkhākaranīya.Thường được dịch là "Chúng học pháp"hay “Ung học pháp"gồm 100 điều nên học liên hệ đến oai nghi của Tăng sĩ, mặc pháp phục, ăn uống, vệ sinh cá nhân, tôn kính tháp, xá-lợi và cách thuyết pháp cho người tại gia. Dứt tranh chấp Adhikaranasamathā dhammā,:Thường được dịch là "Diệt tránh” gồm 7 nguyên tắc hòa giải và kết

thúc tranh chấp: i Nguyên tác hai bên có mặt; ii Nguyên tăc đương sự nhớ lại; iii Nguyên tác không còn tâm thần; iv Nguyên tắc tự trình bày tội; v Nguyên tắc điều tra vết tội; vi Nguyên tắc phục tùng số đông; vii Nguyên tắc như cỏ che đất. Thâu-lan-giá Thullaccaya.Tội th6 hay tội nặng , chỉ đứng sau tội Trục xuất và tội Tăng tàn vê mức độ nghiêm trọng. Đột-kiết-la S. Duskrta. p. Dukkatd\ Thường được dịch là "Ac tácy hay "Ac hành,, tức làm các hành vi xấu, không phù hợp với phẩm hạnh Tỳ-kheo.

Ác ngữ Dubbhāsitā.Còn gọi là "Ac thuyết""Ac khau,9 "Hoại thoại"gồm những lời nói xấu, mắng nhiếc, thuộc loại tội nhẹ . Biệt trú Parivãsa.Không được song chung với Tăng đoàn, hình thức trị phạt bước đầu đối với Tỳ-kheo phạm l trong 13 giới Tăng tàn bằng với thời gian phạm giới này. Sau đó, người phạm giới phải chịu phép "V hỷ,5 trong 6 ngày, để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm phép giải tội. Bố-tát Uposatha,Lễ đọc Giới bổn trong ngày trăng tròn và ngày đầu tháng. Rằm và mùng một là "ngày đọc giới" dể Tăng đoàn được tăng trưởng điều lành trưởng tinh,,do vậy, Tăng đoàn và Ni đoàn ở mỗi tru xứ phai hôi tụ ve địa diêm riêng cua moi ben, lam le đọc giới. Tại các chua Bắc tông, ngoài việc đọc giới xuất gia, còn đọc tám giới bát quan trai giới, cho Phật tử tại gia nên "Bố-táf, còn được dịch không sát nghĩa là "ngày trai”,"ngày trai giới” ,"ngày tuân thủ tám gi&i". Hết tội Abbhāna,:Còn gọi là phép xá tội ,giải tội, xuất tội, là sự công bố Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn đã hết tội, sau khi Tỳ-kheo này đã tuân thủ hình phạt "Không sống chung với Tăng đoàn" Biệt trú, chịu phép "V hy” trong 6 ngày, có tiến bộ thật sự và Tăng đoàn hài lòng về sự tiến bộ đó. Phép làm giải tội để phục hồi abbhãnă tư cách Tăng sĩ buộc phải hội đủ 20 Tỳ-kheo làm yết-ma hết tội . Tự tứ Pavāranā,:Thỉnh cầu pavāreti,chỉ 16i giữa các thành viên Tăng đoàn trong ngày kết thúc an cư mùa mưa để giúp Tăng đoàn giữ giới thanh tịnh, hòa hợp, tiến bộ trong học Phật và tu Phật. Ý hỷ {Mānatta.:Thường được phiên âm là "Ma-np-dGa”ÌÈ, là hình thức phạt Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn "Không được sống chung với Tăng đoàn Biệt trú,phải nỗ lực tự hối lỗi, ít nhất trong 6 ngày để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm lễ xá tội. Xả giới Bỏ các giới đã tiếp nhận còn gọi là "xả giới hoàn tục”,có nghĩa là "b6 giới Tăng sĩ làm người tại gia." Có hai trường hợp xả giới. Trường hợp thứ nhất là người xả giới do không muốn tu nữa nên tình nguyện xả giới, trở về đời sống tại gia; đến thời điểm đó hoàn toàn không hề phạm giới Trục xuất hay Tăng tàn. Trường hợp thứ hai là người phạm tội Trục xuất nên bị Tăng đoàn buộc phải xả giới, vĩnh viễn mất tư cách làm Tăng sĩ. ***

Bản dịch tiếng Việt của Thượng tọa Indacanda về Luật tạng Pãli đóng góp to lớn vào việc hoàn thành ấn bản Tam tạng Pali của Thượng Tọa bộ tại Việt Nam.

Nhờ dịch trực tiếp từ bản Pâli trong ấn bản Tam tạng Tích Lan,22 có tham khảo bản dịch tiếng Anh của bà I. B. Homer,22 23 bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Hộ Tông và Hòa thượng Bửu Chơn, tôi tin rằng bản dịch của Thượng tọa Indacanda trung thành với nguyên tác Pâli, văn phong tiếng Việt trong sáng rõ ràng. Dich phàm nay giúp ngươi đọc niêu ro nguyên nhan che giới, tinh nuông phạm giới, tình huống không phạm giới, cách sám hối, nhờ đó giữ gìn chánh niệm, tỉnh thức, làm chủ các giác quan trong đi, đứng, nằm, ngồi; không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; giữ giới thanh tịnh, trang nghiêm; xả bỏ tâm tham ái, sân hận, si mê; trở thành bậc chân Tăng, chân Ni trong hiện tại và trở thành bậc tiệm cận Thánh nhân, đạt được giác ngộ, giải thoát trong tương lai. Thành kính tán dương công đức của Thượng tọa Indacanda khi đồng ý cho Ban Biên tập giới thiệu dịch phàm này trong Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam. đồng thời hồi hướng công đức đến tất cả người Việt Nam được trải nghiệm chân lý Phật, sống an vui, hạnh phúc trong cuộc đời.

Chùa Giác Ngộ, 26-02-2022 TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

22 Xem https://tipitaka.wordpress.eom/2007/05/21 /buddhại ayanthi-edition; https ://www.ancient-
buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/V6-Patimokkha-BJT/index.htm#Preface. 23 Có the tham khảo trọn bộ 6 quyển của Luật tạng Pãlỉ qua bản dịch của L B. Homer, The Book of the Discipline. (Oxford: The Pali Text Society, 2004).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.